

## KẾT QUẢ VÀ HIỆU QUẢ SẢN XUẤT RAU AN TOÀN CỦA NÔNG HỘ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Thanh Phương<sup>1</sup>, Phạm Văn Trường<sup>1</sup>

Ngày nhận bài: 14/08/2023; Ngày phản biện thông qua: 07/04/2024; Ngày duyệt đăng: 10/04/2024

### TÓM TẮT

Kết quả tính toán từ các số liệu thứ cấp và sơ cấp thu thập được cho thấy: Quy mô, sản lượng và năng suất rau an toàn của Thành phố còn hạn chế, thấp hơn so với rau thường. Hiệu quả môi trường hoạt động sản xuất rau an toàn của hộ tại địa phương này chưa tối ưu. Giá trị sản xuất, thu nhập hỗn hợp của hộ từ sản xuất rau an toàn tại thành phố Buôn Ma Thuột cao hơn so với rau thường. Ngoài ra, quy mô sản xuất rau an toàn tại thành phố Buôn Ma Thuột đang có xu hướng tăng lên, hoạt động sản xuất rau an toàn đang góp phần tạo việc làm và thu nhập cho các cá nhân, tổ chức tham gia vào quá trình này. Một số biện pháp được đề xuất để cải thiện hiệu quả sản xuất rau an toàn của nông hộ tại địa phương này gồm: Đẩy mạnh tuyên truyền các mô hình sản xuất rau an toàn có hiệu quả cao; Cải thiện năng lực sản xuất rau an toàn cho các nông hộ; Và tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học – công nghệ.

**Từ khóa:** Kết quả, hiệu quả, sản xuất, rau an toàn, nông hộ, Tp. Buôn Ma Thuột.

### 1. MỞ ĐẦU

Rau an toàn (RAT) là sản phẩm rau tươi được sản xuất, thu hoạch, sơ chế, đóng gói và bảo quản theo quy trình kỹ thuật nhằm đảm bảo vi sinh vật hoặc các dư lượng hoá chất độc hại dưới mức tối đa cho phép (Benoit Trudel, Đặng Vũ Hoài Nam, 2009). Sản xuất RAT có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung, đối với sự phát triển kinh tế - xã hội thành phố Buôn Ma Thuột (Tp. BMT) nói riêng. Sản xuất RAT tại Tp. BMT đã giúp cải thiện kỹ năng, nâng cao hiệu quả, tăng thu nhập cho người nông dân, góp phần tích cực trong việc xoá đói - giảm nghèo (Lê Thành, 2013) hay thúc đẩy liên kết trong chuỗi giá trị rau và giúp bảo vệ sức khoẻ cho người tiêu dùng (Chu Khôi, 2020).

Buôn Ma Thuột là trung tâm kinh tế, chính trị của tỉnh Đắk Lắk với những lợi thế nhất định trong sản xuất RAT. Trong thời gian vừa qua, sản xuất RAT của nông hộ tại thành phố Buôn Ma Thuột (Tp. BMT) cũng có những điểm tích cực. Diện tích RAT của nông hộ giai đoạn 2020-2022 ở khía cạnh tương đối có mức tăng trưởng khá cao, từ 21,3 ha năm 2020 lên 33,3 ha vào năm 2022, đạt mức tăng trưởng bình quân (TTBQ) hàng năm lên tới 25,04% (UBND Tp. BMT, 2022). Sản xuất RAT đã giúp nông dân cải thiện hiệu quả sản xuất rau, góp phần nâng cao thu nhập, xoá đói - giảm nghèo (Lê Thành, 2013)... Bên cạnh những điểm tích cực, hoạt động sản xuất RAT của nông hộ cũng còn những hạn chế, bất cập như quy mô sản xuất còn nhỏ, chỉ có 33,3 ha và chiếm có 1,72% tổng diện tích rau của toàn Thành phố (UBND Tp. BMT, 2022). Sản lượng rau an toàn là 624,96 tấn và chỉ chiếm 1,43% tổng sản lượng rau xanh thu hoạch được (UBND Tp. BMT,

2022)...

Trước thực trạng trên, việc làm rõ kết quả và hiệu quả sản xuất RAT của nông hộ trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp để góp phần cải thiện khía cạnh này là hoạt động cần thiết và mang lại những ý nghĩa thực tiễn nhất định.

### 2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Cơ sở lý thuyết và nội dung nghiên cứu

**Kết quả sản xuất:** Là những sản phẩm mang lại lợi ích tiêu dùng xã hội được thể hiện là sản phẩm vật chất hoặc phi vật chất, là thành quả lao động do cơ sở sản xuất làm ra (Võ Thị Phương Nhung, Võ Thị Hải Hiền, Phạm Thị Trà My, 2017).

**Tiêu chí đánh giá kết quả sản xuất rau an toàn** được đề xuất gồm: Quy mô sản xuất rau an toàn của nông hộ (Trần Huỳnh Bảo Châu, Trần Huỳnh Quang Minh, 2018); Sản lượng RAT được sản xuất của nông hộ (Trần Huỳnh Bảo Châu, Trần Huỳnh Quang Minh, 2018); Giá trị sản xuất hoạt động sản xuất RAT của nông hộ [(Trần Huỳnh Bảo Châu, Trần Huỳnh Quang Minh, 2018)].

**Hiệu quả sản xuất:** Là trình độ sử dụng các nguồn lực như lao động, giống, máy móc, thiết bị, tiền vốn và các yếu tố khác của đơn vị sản xuất để đạt được mục tiêu đã đề ra. Hiệu quả sản xuất là mối quan hệ so sánh giữa kết quả đạt được với chi phí đầu tư trong quá trình sản xuất và có tính đến các mục tiêu của đơn vị sản xuất đó (Mai Văn Xuân, Bùi Dũng Thử, 2010).

**Hiệu quả kinh tế:** Hiệu quả kinh tế là một khái niệm biểu thị mối tương quan giữa kết quả sản xuất, kinh doanh và chi phí sản xuất. Nếu gọi kết quả sản

<sup>1</sup>Khoa Kinh tế, Trường Đại học Tây Nguyên;

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thanh Phương; ĐT: 0868469924; Email: ntpuong@ttn.edu.vn

xuất là D, chi phí là C và hiệu quả là H thì H là sự so sánh giữa D và C,  $H=D-C$  hoặc  $H=D/C$ . (Trần Thị Mai Phương, 2023).

Tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh tế của sản xuất rau an toàn được đề xuất gồm: Năng suất RAT của nông hộ (Lê Thị Hoa Sen, Hồ Thị Hồng, 2012); Thu nhập hỗn hợp/nông hộ sản xuất RAT (Nguyễn Thị Thu Trang, 2015).

Hiệu quả xã hội: Hiệu quả xã hội là phạm trù phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực sản xuất nhằm đạt được các mục tiêu xã hội nhất định (Lê Thị Minh Trí, 2021). Là mối tương quan so sánh giữa kết quả xét về mặt xã hội và tổng chi phí bỏ ra (Nguyễn Văn Bình, 2017).

Tiêu chí đánh giá hiệu quả xã hội của sản xuất rau an toàn được đề xuất gồm: Việc làm được tạo ra từ sản xuất RAT của nông hộ (Lê Đức Công, 2018); Thu nhập từ sản xuất RAT (Nguyễn Hữu Nhuận, Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Ngọc Vinh, 2020).

Hiệu quả môi trường (EE): Là hiệu quả sử dụng các đầu vào có ảnh hưởng xấu đến môi trường (Vũ Hồng Tú, 2015). Hiệu quả môi trường cho biết các yếu tố đầu vào có ảnh hưởng xấu đến môi trường bị lãng phí bao nhiêu trong quá trình tiến hành hoạt động sản xuất.

Tiêu chí đánh giá hiệu quả môi trường của sản xuất rau an toàn được đề xuất gồm: Lượng chất thải rắn và tình trạng gây ô nhiễm môi trường (Lê Đức Công, 2018); Chỉ số hiệu quả môi trường (EE\*) (Vũ Hồng Tú, 2015).

Nội dung nghiên cứu: Dựa trên phần cơ sở lý luận được đề cập ở trên, nội dung nghiên cứu của bài báo được đề xuất gồm: Kết quả sản xuất rau an toàn của nông hộ trên địa bàn Tp. BMT, tỉnh Đắk Lắk. Hiệu quả sản xuất rau an toàn của nông hộ trên địa bàn Tp. BMT, tỉnh Đắk Lắk ở ba khía cạnh: Hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội, hiệu quả môi trường. Giải pháp góp phần cải thiện hiệu quả sản xuất RAT của nông hộ trên địa bàn Tp. BMT trong thời gian tới.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp: Các số liệu thứ cấp được thu thập gồm các nghiên cứu có liên

quan, các báo cáo liên quan đến RAT của Ủy ban nhân dân Tp. BMT. Tài liệu thứ cấp được thu thập từ UBND Tp. BMT, thư viện trường Đại học Tây Nguyên...

Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp: Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát 132 nông hộ sản xuất rau tại Tp. BMT bằng phiếu phỏng vấn.

- Lượng mẫu khảo sát cho nông hộ sản xuất RAT được xác định:

$$n = \frac{N}{1 + Ne^2} = \frac{78}{1 + 78 * 0,05^2} = 66 \text{ mẫu}$$

[Với quy mô tổng thể (số nông hộ sản xuất rau an toàn của Thành phố)  $N = 78$ , sai số cho phép  $e = 5\%$ ]

(Số lượng mẫu khảo rau an toàn chiếm 84,62% số hộ sản xuất rau an toàn của thành phố Buôn Ma Thuột)

- Lượng mẫu khảo sát dành cho nhóm đối chứng (nhóm sản xuất rau thường) được chọn là 66 mẫu, bằng với số mẫu khảo sát dành cho nhóm hộ sản xuất RAT.

- Thời gian thực hiện khảo sát: 03/2023-06/2023.

Phương pháp tổng hợp, phân tích được sử dụng gồm: Phương pháp phân tích bao dữ liệu, phương pháp thống kê mô tả, phương pháp thống kê so sánh.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Kết quả sản xuất rau an toàn của nông hộ trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Theo Phòng Kinh tế Tp. Buôn Ma Thuột, lịch sử phát triển rau an toàn trên địa bàn Tp. BMT còn tương đối ngắn, chính vì vậy quy mô sản xuất RAT nói chung (Các chủ thể sản xuất rau an toàn trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột gồm các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác với các thành viên là nông hộ), quy mô sản xuất RAT của nông hộ nói riêng còn nhỏ. Năm 2022, diện tích RAT của nông hộ chỉ là 33,3 ha. Diện tích RAT của nông hộ chỉ chiếm có 1,72% tổng diện tích rau được sản xuất ở Thành phố. Trong 33,3 ha diện tích RAT của nông hộ, rau ăn lá đang chiếm quy mô lớn nhất là 16,4 ha. Ngược lại, rau gia vị có diện tích nhỏ nhất chỉ với 5,2 ha.

**Bảng 1. Quy mô sản xuất RAT của nông hộ tại Tp BMT giai đoạn 2018-2022**

Đơn vị tính: Ha

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	TTBQ (%)
Diện tích rau	1.831,99	1.961,84	1.935,20	2,78
Diện tích RAT của nông hộ	21,30	33,3	33,3	25,04
+ Rau ăn lá	10,26	16,08	16,40	26,45
+ Rau ăn quả	7,45	11,9	11,69	25,22
+ Rau gia vị	3,58	5,31	5,20	20,50

Nguồn: Phòng Kinh tế Tp. Buôn Ma Thuột (2022).

Được sự khuyến khích, hỗ trợ của các cơ quan ban ngành và hiệu quả của một số hộ sản xuất RAT khá cao, nhiều nông hộ đã học hỏi và làm theo cho nên quy mô sản xuất RAT của nông hộ tại Tp. BMT có xu hướng tăng lên. Diện tích RAT của nông hộ năm 2020 là 21,3 ha, đến năm 2022 chỉ tiêu này tăng lên mức 33,3 ha. Bình quân mỗi năm từ 2020-2022, diện tích RAT của nông hộ tăng thêm 25,04%. Trong các nhóm rau được sản xuất tại Tp. BMT, nhóm rau ăn lá có mức tăng quy mô nhanh nhất với tốc độ tăng trưởng bình quân/năm giai đoạn 2020-2022 là 26,45%, trong khi đó chỉ tiêu này của nhóm rau gia vị thấp nhất với tốc độ

tăng trưởng quy mô bình quân/năm chỉ là 20,5%.

Quy mô sản xuất RAT của nông hộ tại Tp. BMT rất nhỏ cho nên sản lượng RAT thu được cũng bị hạn chế theo. Năm 2022, sản lượng RAT do nông hộ sản xuất thu được là 624,96 tấn và chỉ chiếm có 1,43% tổng sản lượng rau của địa phương này. Quy mô sản xuất rau ăn lá lớn nhất nên đây cũng là nhóm RAT có sản lượng cao nhất trong các nhóm RAT với 343,49 tấn, chiếm 54,96%. Ngược lại, do có quy mô sản xuất nhỏ nhất nên rau gia vị là nhóm RAT có sản lượng thấp nhất với 75,22 tấn, chiếm có 12,04%.

**Bảng 2. Sản lượng RAT của nông hộ tại Tp. BMT giai đoạn 2020-2022**

*Đơn vị tính: Tấn*

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	TTBQ (%)
Sản lượng rau	41.015,97	44.382,80	43.586,00	3,09
Sản lượng RAT của nông hộ	381,49	619,79	624,96	27,99
+ Rau ăn lá	207,39	337,76	343,49	28,70
+ Rau ăn quả	125,92	209,93	206,25	27,98
+ Rau gia vị	48,18	72,10	75,22	24,95

*Nguồn: Phòng Kinh tế Tp. Buôn Ma Thuột (2022).*

Quy mô sản xuất RAT của nông hộ tại Tp. BMT có xu hướng được mở rộng, điều này đã góp phần làm sản lượng RAT có xu hướng tăng lên. Năm 2020, sản lượng RAT của nông hộ thu được là 381,49 tấn, chỉ tiêu này tăng mạnh vào năm 2021 lên mức 619,79 tấn và tăng lên mức 624,96 tấn vào năm 2022, đạt mức tăng bình quân mỗi năm lên tới 27,99%. Trong giai đoạn 2020-2022, rau ăn lá là nhóm có mức tăng trưởng cao nhất với mức tăng bình quân mỗi năm là 28,7%. Ngược lại, nhóm rau gia vị có mức tăng trưởng sản lượng thấp nhất với 24,95%.

Giá RAT thường cao hơn nhiều so với rau thường, đây là nhân tố quan trọng góp phần làm

giá trị sản xuất RAT bình quân/hộ cao hơn rau thường. Năm 2022, giá trị sản xuất RAT bình quân/hộ tại Tp. BMT là 120,17 triệu đồng/hộ. Trong khi đó, chỉ tiêu này đối với sản xuất rau thường chỉ là 104,5 triệu đồng/hộ. Bình quân giá trị sản xuất của hộ sản xuất RAT cao hơn hộ sản xuất rau thường là 15,67 triệu đồng. Quy mô sản xuất rau ăn lá lớn nhất cho nên đây cũng là nhóm rau có đóng góp lớn nhất vào giá trị sản xuất RAT của nông hộ với 56,2 triệu đồng, tương ứng với 46,76%. Ngược lại, rau gia vị có quy mô thấp nhất nên đóng góp của nhóm rau này vào giá trị sản xuất của hộ cũng thấp nhất, chỉ là 30,1%, tương ứng với 25,05%.

**Bảng 3. Giá trị sản xuất trung bình/hộ của hoạt động sản xuất RAT tại TP. BMT giai đoạn 2020-2022**

*Đơn vị tính: Triệu đồng/hộ*

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	TTBQ (%)
Rau thường	96,42	98,54	104,50	4,11
Rau an toàn	109,67	117,48	120,17	4,68
+ Rau ăn lá	51,18	54,45	56,2	4,79
+ Rau ăn quả	29,44	32,61	33,87	7,26
+ Rau gia vị	29,05	30,42	30,1	1,79

*Nguồn: Tổng hợp số liệu khảo sát.*

Quy mô diện tích sản xuất RAT/hộ có xu hướng được mở rộng, năng suất RAT có xu hướng tăng lên cho nên giá trị sản xuất RAT/hộ cũng tăng theo.

Năm 2020, giá trị sản xuất RAT bình quân/hộ là 109,67 triệu đồng, đến năm 2022 tăng lên mức 120,17 triệu đồng đạt mức tăng bình quân mỗi

năm là 4,68%. Trong giai đoạn 2020-2022, rau ăn quả là nhóm rau có tăng trưởng giá trị sản xuất/hộ cao nhất với mức tăng bình quân là 7,26%, ngược lại, gia vị là nhóm rau có mức tăng trưởng thấp nhất với chỉ với 1,79%.

### 3.2. Hiệu quả sản xuất rau an toàn của nông hộ trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

#### 3.2.1. Hiệu quả kinh tế

Nhiều nông hộ tại Tp. BMT chưa có nhiều kinh

nghiệm trong sản xuất RAT, bên cạnh đó, việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), ứng dụng máy móc tiến bộ vào sản xuất rau an toàn cũng còn hạn chế cho nên năng suất RAT của nông hộ hiện nay tương đối thấp. Năm 2022, năng suất rau an toàn RAT của nông hộ chỉ có 18,98 tấn/ha, chỉ tiêu này thấp hơn nhóm hộ sản xuất rau thường tới 5,79 tấn/ha. Trong các nhóm rau an toàn được sản xuất, rau ăn lá hiện là nhóm rau có năng suất cao nhất với 21,88 tấn/ha, ngược lại rau gia vị đang có năng suất thấp nhất với chỉ 15,34 tấn/ha.

**Bảng 4. Năng suất RAT trung bình/hộ tại TP. BMT giai đoạn 2020-2022**

Đơn vị tính: Tấn/ha

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	TTBQ (%)
Rau thường	22,50	22,82	24,77	4,93
Rau an toàn	17,74	17,97	18,98	3,45
+ Rau ăn lá	20,37	21,34	21,88	3,64
+ Rau ăn quả	17,39	18,15	18,75	3,83
+ Rau gia vị	15,14	14,73	15,34	0,66

Nguồn: Tổng hợp số liệu khảo sát

Theo thời gian, kinh nghiệm và kỹ năng sản xuất RAT của nông hộ tại Tp. BMT có xu hướng được cải thiện, điều này đã góp phần làm năng suất RAT của nông hộ cũng được cải thiện theo. Năm 2020, bình quân mỗi ha rau an toàn nông hộ thu được 17,74 tấn, đến năm 2022 chỉ tiêu này tăng lên 18,98 tấn, đạt mức tăng bình quân mỗi năm là 3,45%. Trong giai đoạn 2020-2022, rau ăn quả là nhóm rau có năng suất tăng nhanh nhất với 3,83%. Ngược lại, rau gia vị là nhóm rau mà năng suất ít được cải thiện nhất với mức tăng trưởng năng suất bình quân mỗi năm chỉ là 0,66%.

Giá bán cao hơn, giá trị gia tăng cũng cao hơn đã góp phần giúp thu nhập hỗn hợp của nông hộ sản xuất RAT cao hơn hộ sản xuất rau thường. Năm 2022, thu nhập hỗn hợp mỗi nông hộ sản xuất RAT là 78,73 triệu đồng/hộ, chỉ tiêu này cao hơn các hộ sản xuất rau thường là 10,12 triệu đồng/hộ. Trong 78,73 triệu đồng của chỉ tiêu thu nhập hỗn hợp của nông hộ sản xuất RAT, rau ăn lá đang là nhóm rau có mức đóng góp lớn nhất với 35,78 triệu, chiếm 45,45%. Ngược lại, rau gia vị có quy mô nhỏ nhất nên có mức đóng góp thấp nhất với 20,04 triệu đồng, chiếm 25,45%.

**Bảng 5. Thu nhập hỗn hợp trung bình/hộ từ sản xuất RAT tại TP. BMT giai đoạn 2020-2022**

Đơn vị tính: Triệu đồng/hộ

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	TTBQ (%)
Rau thường	64,41	65,05	68,61	3,21
Rau an toàn	72,72	78,65	78,73	4,05
+ Rau ăn lá	32,94	35,29	35,78	4,22
+ Rau ăn quả	19,69	24,36	22,91	7,87
+ Rau gia vị	20,09	19,00	20,04	(0,12)

Nguồn: Tổng hợp số liệu khảo sát.

Quy mô sản xuất RAT của nông hộ tại Tp. BMT có xu hướng được mở rộng, bên cạnh đó năng suất sản xuất rau cũng có xu hướng tăng lên cho nên thu nhập hỗn hợp của hộ cũng có xu hướng tăng theo. Năm 2020, thu nhập hỗn hợp/hộ sản xuất RAT bình quân đạt 72,72 triệu đồng/hộ, sau đó tăng mạnh lên mức 78,65 triệu đồng/hộ vào năm 2021 và tăng lên mức 78,73 triệu đồng/hộ vào năm 2022, đạt mức tăng bình quân mỗi năm trong giai

đoạn 2020-2022 là 4,05%. Trong các nhóm RAT được sản xuất tại Tp. BMT, thu nhập hỗn hợp/hộ của nhóm rau ăn quả có mức tăng trưởng nhanh nhất trong giai đoạn 2020-2022 với mức tăng bình quân mỗi năm là 7,86%. Ngược với nhóm rau ăn quả, thu nhập hỗn hợp/hộ của nhóm rau gia vị có mức tăng trưởng kém nhất, thậm chí bị âm 0,12%.

#### 3.2.2. Hiệu quả xã hội



Như đã đề cập ở trên, quy mô sản xuất RAT của nông hộ tại Tp. BMT còn rất ít, điều này dẫn đến vai trò tạo việc làm của hoạt động này cũng bị hạn chế theo. Năm 2022, lượng việc làm được tạo ra từ sản xuất RAT của nông hộ tại Tp. BMT chỉ là 276 việc làm. Trong khi đó chỉ tiêu này đối với sản xuất rau thường là 13.706 việc làm và đối với lĩnh vực sản xuất rau của Thành phố là 14.814 việc làm. So với sản xuất rau thường, việc làm được tạo

ra từ sản xuất RAT của nông hộ chỉ bằng 2,02%. Và việc làm được tạo ra từ sản xuất RAT của nông hộ chỉ chiếm 1,87% tổng số việc làm mà lĩnh vực sản xuất rau của Thành phố tạo ra. Trong 276 việc làm được tạo ra, sản xuất nhóm rau an lá đang đóng góp lớn nhất với 125 việc làm, tương ứng với 45,42%; đóng góp thấp nhất là nhóm rau gia vị với 70 việc làm, tương ứng với 25,35%.

**Bảng 6. Việc làm được tạo ra từ sản xuất RAT của nông hộ tại TP. BMT giai đoạn 2020-2022**

*Đơn vị tính: Số việc làm*

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	TTBQ (%)
Tổng số	14.024	15.018	14.814	2,78
Rau thường	13.045	13.899	13.706	2,5
Rau an toàn	177	278	276	24,6
+ Rau ăn lá	80	124	125	25,04
+ Rau ăn quả	47	85	80	29,82
+ Rau gia vị	49	68	70	18,62

*Nguồn: Tổng hợp số liệu khảo sát.*

Trong giai đoạn 2020-2022, quy mô sản xuất RAT của nông hộ tại Tp. BMT có xu hướng tăng lên, điều này đã giúp vai trò tạo việc làm từ hoạt động này được cải thiện. Năm 2020, lượng việc làm được tạo ra từ sản xuất RAT của nông hộ là 177 việc làm, đến năm 2021 chỉ tiêu này tăng mạnh lên 278 việc làm và giảm nhẹ xuống còn 276 việc làm vào năm 2022. Bình quân trong giai đoạn 2020-2022, lượng việc làm được tạo ra từ sản xuất RAT của nông hộ tăng thêm 24,6%. Ngoài ra, chúng ta cũng thấy được rằng, số lượng việc làm được tạo ra trong giai đoạn 2020-2022 từ sản xuất nhóm rau ăn quả có mức tăng trưởng cao nhất, với 29,82%; thấp nhất là nhóm rau gia vị với mức tăng trưởng bình quân mỗi năm là 18,62%.

của hộ sản xuất RAT cao hơn so hộ sản xuất rau thường; và điều này cũng là nhân tố quan trọng giúp thu nhập của mỗi lao động nhận được từ sản xuất RAT cũng cao hơn so với sản xuất rau thường. Năm 2022, mỗi lao động có tham gia sản xuất RAT tại Tp. BMT nhận được 32,47 triệu đồng/lao động, trong khi đó chỉ tiêu này của lao động sản xuất rau thường là 31,28 triệu đồng/lao động. So với lao động sản xuất rau thường, thu nhập của lao động sản xuất rau an toàn cao hơn 1,19 triệu đồng. Trong các nhóm rau được sản xuất, rau ăn quả đang cho lại thu nhập cao nhất với 39,88 triệu đồng/lao động. Ngược lại, sản xuất rau ăn lá đang tạo ra thu nhập thấp nhất chỉ với 30,62 triệu đồng/lao động.

Như đề cập ở trên, thu nhập hỗn hợp bình quân

**Bảng 7. Thu nhập/lao động được tạo ra từ sản xuất RAT của nông hộ tại TP. BMT năm 2022**

*Đơn vị tính: Triệu đồng/lao động*

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	TTBQ (%)
Rau thường	29,31	29,62	31,28	3,31
Rau an toàn	29,69	32,18	32,47	4,58
+ Rau ăn lá	29,05	30,01	30,62	2,67
+ Rau ăn quả	35,4	36,92	39,88	6,14
+ Rau gia vị	34,56	33,34	36,33	2,53

*Nguồn: Tổng hợp số liệu khảo sát*

Hiệu quả sản xuất RAT của nông hộ được cải thiện theo thời gian nên thu nhập/lao động từ sản xuất RAT của nông hộ tại Tp. BMT cũng được cải thiện theo. Thu nhập/lao động sản xuất RAT năm 2020 là 29,69 triệu đồng/lao động, đến năm 2022

chỉ tiêu này tăng lên mức 32,47 triệu đồng/lao động, đạt mức tăng bình quân mỗi năm là 4,358%. Trong các loại RAT được sản xuất tại Tp. BMT, thu nhập/lao động giai đoạn 2020-2022 được tạo ra từ nhóm rau ăn quả có mức tăng trưởng nhanh

nhất với 6,14%; thấp nhất là nhóm rau gia vị với mức tăng trưởng bình quân mỗi năm chỉ là 2,53%.

### 3.2.3. Hiệu quả môi trường

Nông hộ sản xuất RAT thường tận dụng các phụ phẩm nông nghiệp từ quá trình sản xuất để chế biến thành phân hữu cơ phục vụ lại cho sản xuất, chính vì vậy lượng chất thải của các hộ sản xuất RAT cũng thường thấp hơn hộ sản xuất rau thường. Năm 2022, bình quân mỗi ngày mỗi hộ sản xuất RAT tạo ra 1,43 kg chất thải rắn (CTR) trong khi đó chỉ tiêu này đối với hộ sản xuất rau thường là 1,52 kg. So với các hộ sản xuất rau thường, lượng CTR được tạo ra mỗi ngày của hộ

sản xuất RAT thấp hơn 0,09 kg.

Lượng chất thải rắn của quá trình sản xuất RAT thấp hơn, bên cạnh đó sản xuất RAT sử dụng phân vô cơ, thuốc BVTV ít hơn cho nên mức độ gây ô nhiễm môi trường của sản xuất RAT của nông hộ tại Tp. BMT cũng thấp hơn so với sản xuất rau thường. So các hộ sản xuất rau thường, tỷ lệ nông hộ sản xuất RAT gây ô nhiễm môi trường ở mức độ ít nghiêm trọng thấp hơn 15,37%. Bên cạnh đó, đối với trường hợp gây ô nhiễm nghiêm trọng, tỷ lệ nông hộ sản xuất rau thường gây ra tình trạng này chiếm 1,59% nhưng đối với nông hộ sản xuất RAT là 0%.

**Bảng 8. Lượng chất thải trung bình/hộ và tình trạng gây ô nhiễm môi trường trong sản xuất RAT của nông hộ tại TP. BMT năm 2022**

Chỉ tiêu	Lượng CTR/chủ thể/ngày (kg)	Mức độ gây ô nhiễm (%)		
		Ít nghiêm trọng	Nghiêm trọng	Rất nghiêm trọng
Rau an toàn	1,43	2,09	-	-
Rau thường	1,52	17,46	1,59	-
Chênh lệch	0,09	15,37	1,59	-

*Nguồn: Tổng hợp số liệu khảo sát*

Kỹ năng sản xuất RAT của một số nông hộ tại Tp. BMT còn những hạn chế nhất định, quá trình sử dụng các nguồn lực đầu vào có thể gây ô nhiễm môi trường như phân bón, thuốc BVTV chưa tối ưu nên chỉ số hiệu quả môi trường (EE)

của nông hộ tại địa phương này chỉ đạt 0,855. Vẫn còn 14,5% lượng phân bón và thuốc BVTV chưa được sử dụng hiệu quả và đây là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường từ quá trình sản xuất RAT của nông hộ tại Tp. BMT.

**Bảng 9. Chỉ số hiệu quả môi trường trong sản xuất RAT của nông hộ tại TP. BMT năm 2022**

Mức hiệu quả	Hiệu quả môi trường (EE)	
	Số hộ	Tỷ lệ (%)
1,00	2	3,17
0,8-0,99	39	61,90
0,6-0,79	22	34,92
<0,59	0	-
Trung bình		0,8550
Giá trị lớn nhất		1,0000
Giá trị nhỏ nhất		0,6250
Độ lệch chuẩn		0,1130

*Nguồn: Tổng hợp số liệu khảo sát.*

Quá trình sử dụng phân bón, thuốc BVTV giữa các nông hộ sản xuất RAT tại Tp. BMT không giống nhau cho nên hiệu quả môi trường cũng có sự khác biệt giữa các nông hộ. Nông hộ có hiệu quả môi trường cao nhất là 1, thấp nhất là 0,625 và độ lệch chuẩn là 0,113. Ngoài ra, chúng ta cũng thấy được rằng, nhóm hộ có hiệu quả môi trường từ 0,8-0,99 đang chiếm số lượng nông hộ đông nhất với 61,9%. Ngược lại với nhóm hộ trên, nhóm hộ có hiệu quả môi trường bằng 1 có số lượng ít nhất với 3,17%. Không có trường hợp nông hộ sản

xuất RAT có hiệu quả môi trường dưới 0,59.

### 3.3. Những kết quả đạt được và hạn chế trong kết quả và hiệu quả sản xuất rau an toàn của nông hộ trên địa bàn Tp. BMT, tỉnh Đắk Lắk

#### 3.3.1. Những kết quả đạt được

Quy mô sản xuất, sản lượng rau an toàn của nông hộ tại Tp. BMT giai đoạn 2020-2022 có xu hướng tăng với mức tăng bình quân mỗi năm lần lượt là 25,04% và 27,99%.

Giá trị sản xuất được tạo ra từ sản xuất rau an

toàn trung bình/hộ đạt 120,17 triệu đồng/hộ, đang cao hơn rau thường 15,67 triệu đồng/hộ; Và chỉ tiêu này đang được cải thiện với mức tăng bình quân trong giai đoạn 2020-2022 là 4,68%.

Thu nhập hỗn hợp trung bình/hộ từ sản xuất rau an toàn đạt 78,73 triệu đồng/hộ, cao hơn các hộ sản xuất rau thường là 10,12 triệu đồng/hộ; Và chỉ tiêu này đang được cải thiện với mức tăng bình quân trong giai đoạn 2020-2022 là 4,05%.

Sản xuất rau an toàn của Tp. BMT đang góp phần làm giảm tác động tiêu cực của lĩnh vực sản xuất rau đến môi trường. Lượng rác thải hộ sản xuất rau an toàn giảm 0,09 kg so với sản xuất rau thường. Sản xuất rau an toàn cũng làm giảm tình trạng gây ô nhiễm môi trường so với sản xuất rau thường.

### 3.3.2. Các hạn chế

Diện tích và sản lượng rau an toàn do nông hộ sản xuất ra tại Tp. BMT còn hạn chế, chỉ chiếm 1,72% tổng diện tích và 1,43% tổng sản lượng rau của toàn Thành phố.

Năng suất rau an toàn của nông hộ tại Tp. BMT đang thấp hơn năng suất rau thường tới 5,79 tấn/ha.

Quy mô nhỏ nên vai trò tạo việc làm, thu nhập cho người dân từ sản xuất rau an toàn tại Tp. BMT cũng còn hạn chế.

Vẫn còn tình trạng nông hộ sản xuất rau an toàn sử dụng các yếu tố đầu vào như phân vô cơ, thuốc BVTV chưa hợp lý, tỷ lệ số hộ đạt hiệu quả môi trường chỉ có 3,17%.

### 3.4. Giải pháp

Trên cơ sở kết quả phát hiện được, bài viết đề xuất một số giải pháp để góp phần cải thiện hiệu quả sản xuất RAT của nông hộ trên địa bàn Tp. BMT trong thời gian tới gồm:

Đẩy mạnh tuyên truyền các mô hình sản xuất rau an toàn có hiệu quả cao: Hoạt động này sẽ giúp nhiều chủ thể kinh tế hiểu rõ được lợi ích thu được từ hoạt động sản xuất rau an toàn và điều này sẽ tạo động lực để họ đầu tư vào sản xuất rau an toàn, từ đó góp phần mở rộng diện tích rau an toàn trên địa bàn Thành phố. Các hình thức tuyên truyền có thể xem xét gồm: Đưa thông tin lên các cổng thông tin điện tử, tổ chức tham quan hoặc tuyên truyền thông qua các tổ chức chính trị - xã hội.

Cải thiện năng lực sản xuất rau an toàn cho các nông hộ: Biện pháp này sẽ giúp nông hộ sản xuất rau

an toàn sử dụng nguồn lực phù hợp hơn, từ đó giúp nâng cao hiệu quả, thu nhập và giảm tác động tiêu cực đến môi trường. Thực hiện giải pháp này cần chú trọng công tác tập huấn từ phía doanh nghiệp tiêu thụ về quy trình sản xuất rau hữu cơ, hướng hữu cơ, VietGAP hoặc quy trình sản xuất doanh nghiệp yêu cầu; tham quan mô hình – trao đổi kinh nghiệm sản xuất với các hộ sản xuất rau an toàn giỏi...

Tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học – công nghệ vào quá trình sản xuất: Kết quả nghiên cứu cho thấy, nông hộ sản xuất RAT tại Tp. BMT vẫn chưa sử dụng các yếu tố đầu vào gây ô nhiễm môi trường như phân bón, thuốc BVTV hiệu quả. Chính vì vậy việc tăng cường ứng dụng các thành tựu khoa học – công nghệ vào quá trình sản xuất như hệ thống cảm biến dinh dưỡng, bón phân qua hệ thống tưới tự động sẽ góp phần cải thiện hiệu quả và giảm sự lãng phí các nguồn lực có thể gây ô nhiễm môi trường.

## 4. KẾT LUẬN

Quy mô, sản lượng và năng suất rau an toàn tại Tp. BMT còn hạn chế. Quy mô sản xuất RAT của nông hộ ở Tp. BMT có 33,3 ha và chỉ chiếm 1,72% tổng diện tích rau của địa phương này. Sản lượng RAT do nông hộ sản xuất thu được là 624,96 tấn và chỉ chiếm 1,43% tổng sản lượng rau xanh thu hoạch được. Năng suất rau an toàn RAT của nông hộ chỉ có 18,98 tấn/ha, thấp hơn nhóm rau thường 5,79 tấn/ha. Việc sử dụng các yếu tố đầu vào có thể gây ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất RAT vẫn đang bị lãng phí. Giá bán sản phẩm rau an toàn cao hơn rau thường, điều này đã giúp giá trị sản xuất, thu nhập hỗn hợp các hộ sản xuất rau an toàn cao hơn rau thường. Giá trị sản xuất RAT bình quân/hộ là 120,17 triệu đồng/hộ, cao hơn nhóm rau thường là 15,67 triệu đồng. Thu nhập hỗn hợp của nông hộ sản xuất RAT đạt được là 78,73 triệu đồng/hộ, cao hơn nhóm rau thường là 10,12 triệu đồng/hộ. Hoạt động sản xuất rau an toàn cũng góp phần tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường và diện tích có xu hướng được mở rộng theo thời gian. Một số giải pháp để cải thiện hiệu quả sản xuất rau an toàn được đề xuất gồm: Đẩy mạnh tuyên truyền các mô hình sản xuất rau an toàn có hiệu quả cao; Cải thiện năng lực sản xuất rau an toàn cho các nông hộ; Và tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học – công nghệ. Hạn chế của nghiên cứu là chưa so sánh được kết quả, hiệu quả sản xuất RAT của nông hộ tại Tp. BMT so với các địa phương khác trong tỉnh Đắk Lắk.

## RESULTS AND EFFECTIVENESS OF SAFE VEGETABLE PRODUCTION BY FARMING HOUSEHOLDS IN BUON MA THUOT CITY, DAK LAK PROVINCE

Nguyen Thanh Phuong<sup>1</sup>, Pham Van Truong<sup>1</sup>

Received Date: 14/08/2023; Revised Date: 07/04/2024; Accepted for Publication: 10/04/2024

### ABSTRACT

Calculation results from collected secondary and primary data show that: The scale, output and productivity of safe vegetables in the City are limited, lower than normal vegetables. The environmental efficiency of safe vegetable production activities of households in this locality is not optimal. The production value and mixed income of households from safe vegetable production in Buon Ma Thuot city is higher than that of regular vegetables. In addition, the scale of safe vegetable production in Buon Ma Thuot city is on the rise. Safe vegetable production is contributing to creating jobs and income for individuals and organizations participating in this process. A number of measures are proposed to improve the efficiency of safe vegetable production of households in this locality including: Promoting propaganda of highly effective safe vegetable production models; Improve safe vegetable production capacity for farming households; And enhance the application of scientific and technological achievements.

**Keywords:** Results, efficiency, production, safe vegetables, farming households, Buon Ma Thuot city

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Văn Bình (2017). Đánh giá thực trạng và đề xuất hướng sử dụng đất nông nghiệp bền vững tại thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Luận án tiến sĩ. Trường Đại học Nông lâm - Đại học Huế.
- Benoit Trudel, Đặng Vũ Hoài Nam (2009). *Phân tích chuỗi rau an toàn tại thành phố Việt Trì và Lạng Sơn*. Veco Vietnam.
- Trần Huỳnh Bảo Châu và Trần Huỳnh Quang Minh (2018). So sánh hiệu quả kinh tế hoạt động sản xuất rau an toàn và truyền thống ở xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Khoa học Quản lý & Kinh tế*, số 07 tháng 6/2018, 89-106.
- Lê Đức Công (2018). Đánh giá tính bền vững chuỗi rau an toàn Mộc Châu. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam - Số 5(90)/2018*; 88-94.
- Chu Khôi (2020). *Liên kết nông dân trồng rau theo tiêu chuẩn Nhật Bản*.
- Võ Thị Phương Nhung, Võ Thị Hải Hiền, Phạm Thị Trà My (2017). *Thống kê doanh nghiệp*. Trường Đại học Lâm nghiệp.
- Nguyễn Hữu Nhuận, Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Ngọc Vinh (2020). Đánh giá hiệu quả sản xuất rau của hộ nông dân tại huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam 2020, 18 (9)*; 705-712.
- Trần Thị Mai Phương (2023). Một vài khái niệm về hiệu quả kinh tế và hiệu quả kinh tế du lịch. *Tạp chí Công thương - Số 7 tháng 3 năm 2023*.
- Lê Thành (2013). *Rau an toàn - Hướng đi bền vững cho nông dân*.
- Lê Thị Minh Trí (2021). *Hoàn thiện kế toán quản trị với việc đánh giá hiệu quả hoạt động tại các doanh nghiệp kinh doanh dầu khí niêm yết ở Việt Nam*. Luận án tiến sĩ. Học viện Tài chính.
- Võ Hồng Tú (2015). Ứng dụng phương pháp phân tích giới hạn sản xuất ngẫu nhiên để đo lường hiệu quả môi trường của hoạt động sản xuất nông nghiệp. *Tạp chí Khoa học và Phát triển, tập 13, số 8*, 1519-1526.
- Lê Thị Hoa Sen, Hồ Thị Hồng (2012). Một số yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ rau an toàn ở tỉnh Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Khoa học, Đại học Huế, tập 71, số 2*, 253-266.
- Mai Văn Xuân, Bùi Dũng Thế (2010). *Phân tích kinh tế và lập kế hoạch sản xuất kinh doanh cho nông hộ*. Nhà xuất bản Đại học Huế.

<sup>1</sup>Faculty of Economics, Tay Nguyen University;

Corresponding author: Nguyen Thanh Phuong; Tel: 0868469924; Email: ntphuong@ttn.edu.vn.



- UBND Tp. Buôn Ma Thuột (2022). *Danh sách các cơ sở sản xuất trồng trọt, chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP của Thành phố Buôn Ma Thuột.*
- Farrell, M.J. (1957). The Measurement of Productive Efficiency. *Journal of the Royal Statistical Society*, A CXX, Part 3, 253-290.
- A. Charnes, W. W. Cooper, E and Rhodes (1978). Measuring the efficiency of decision making units. *European journal of operational research*. 2(6), 429-444.
- T. J. Coelli, D. S. P. Rao, C. J. O'Donnell, G and Battese (2005). An introduction to efficiency and productivity analysis. *Springer*.